

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 29-9-2020

*“V/v tranh chấp Hợp  
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Duy Phú

2. Ông Võ Xuân Nghi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS, ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Tòa nhà C, 109 - T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Bà Trương Nữ Linh C - Chuyên viên hỗ trợ hoạt động Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình (văn bản ủy

quyền số 820/2019/UQ-LiênVietPostBank ngày 16/9/2019); địa chỉ: Số 375 - đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Đ; địa chỉ: thôn P 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 01/9/2017, giữa Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình đã ký kết với bà Trịnh Thị Đ Hợp đồng tín dụng số HDTD453201763. Ngân hàng đã cho bà Đ vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 9/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 01/9/2020, mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 22.240.000 đồng và tiền lãi hàng tháng tương ứng. Từ ngày 04/02/2019 đến nay, bà Đ đã không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Trịnh Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, bà Trịnh Thị Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết.

Để thu hồi vốn, đại diện cho Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 34.603.733 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi là 6.843.733 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho bà Trịnh Thị Đ nhưng bà Đ đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của bà Đ, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho phía bị đơn bà Trịnh Thị Đ, gia đình bà Đ cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tổng đạt và báo cho bà Đ biết việc Tòa án thông

báo, triệu tập bà đến Tòa án để giải quyết việc TMCP Bưu điện Liên Việt khởi kiện bà nhưng bà Đ đã cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Qua thông tin từ gia đình thì bà Đ đã biết việc Ngân hàng khởi kiện và Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Bà Đ không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới và người thân cũng không cung cấp được địa chỉ của bà Đ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trịnh Thị Đ.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 34.603.733 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.843.733 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Ngân hàng TMCP B với bà Trịnh Thị Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích tiêu dùng cá nhân và gia đình, do bà Trịnh Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trịnh Thị Đ vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trịnh Thị Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự: Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 01/9/2017, giữa Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình với bà Trịnh Thị Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD453201763. Trên cơ sở Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đ vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 9/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 01/9/2020; mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà Trịnh Thị Đ chỉ mới thanh toán được một khoản tiền gốc là 22.240.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án để thu hồi khoản tiền nợ vay theo quy định. Ngân hàng đã tính lãi với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp đã tính đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng ký kết.

Đối với bà Trịnh Thị Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo, triệu tập nhiều lần để bà Đ có mặt nhằm tạo điều kiện để các bên hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, bà Đ đã biết rõ việc Ngân hàng khởi kiện và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc bà Đ không thực hiện, không chấp hành mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ vay Ngân hàng và pháp luật.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc bị

đơn bà Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 34.603.733 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.843.733 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020), bà Trịnh Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” .

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Trịnh Thị Đ.

Buộc bà Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ là 34.603.733 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 6.843.733 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020), bà Trịnh Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

## 2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Trịnh Thị Đ phải chịu 1.730.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 827.588 đồng theo biên lai thu số 0007361 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Ngọc Thực**